

LÊ-NIN, NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ THẨM TRẠNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

TÔN THẤT THIÊN

I

Trong những đề nghị được những nhân vật cộng sản có tên tuổi đối kháng lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra gần đây, đề nghị đáng để ý hơn cả là đề nghị 'trở lại' đường lối 'cách mạng tư sản dân quyền' mà (Nguyễn Tất Thành mang danh) Hồ Chí Minh đã đề xướng năm 1945-1946 với thể chế Dân Chủ Cộng Hoà, và (Nguyễn Tất Thành mang danh) Nguyễn Ái Quốc đề xướng năm 1930 dưới danh hiệu 'Chánh cương vắn tắt' của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Những người nêu trên cho rằng đây là đường lối cần phải được áp dụng lại vì nó là một đường lối chiến lược đúng và đã được kiểm chứng bằng thắng lợi của Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ. Theo họ, có tình trạng bi đát của dân tộc Việt Nam và khủng hoảng của xã hội kinh tế ngày nay vì nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN đã đi xa đường lối chiến lược mà 'Bác' đã vạch ra.

Đại tá Bùi Tín, sau một thời gian ở Pháp, ngoài vòng kềm kẹp và bưng bít của Đảng, được dịp tự do và thông thả quan sát tình hình xã hội Tây phương, trao đổi ý kiến với nhiều Việt kiều hải ngoại, và có thì giờ bình tĩnh suy ngẫm, đã công nhận rằng chế độ xã hội chủ nghĩa hơn xã hội phong kiến, nhưng thua xa chế độ dân chủ đại nghị (nghĩa là tư bản), và kết luận rằng Việt Nam cần áp dụng một cuộc 'cách mạng tư sản dân quyền' (hoặc 'dân chủ tư

sản' - bourgeois democratic revolution -).

Người đối kháng thứ hai, ông Hoàng Minh Chính, tố giác đám lãnh đạo ĐCSVN hiện tại đã áp dụng 'Luận cương Trần Phú' chủ trương chủ nghĩa giáo điều tả khuynh ấu trĩ kiểu Stalin và Mao thay vì 'Cương lĩnh Nguyễn Ái Quốc' chủ trương đường lối chiến lược 'tư sản dân quyền' và 'đại đoàn kết dân tộc'. Theo ông Chính, đường lối 'chiến lược' này 'do Nguyễn Ái Quốc sáng tạo' và 'xuất phát từ truyền thống văn hoá, đời sống nhân dân và yêu cầu thiết tha của các giai tầng và toàn thể dân tộc'.

Khác với các ông Bùi Tín và Hoàng Minh Chính, ông Nguyễn Khắc Viện không hô hào 'trở lại' đường lối chiến lược của Nguyễn Ái Quốc, nhưng nhận định của ông đã đặt chế độ dân chủ tư sản ngang hàng với 'dân chủ nhân dân' (people's democracy). Như vậy, ông đã đề cao chế độ dân chủ tư sản, n.l., cho nó là dân chủ, tiến bộ và tốt (vì theo người cộng sản chỉ có chế độ dân chủ nhân dân, n.l. cộng sản, mới thực sự là dân chủ, tiến bộ và tốt).

Cuối cùng, theo ông Phan Đình Diệu (một người tuy không vào Đảng nhưng cũng được Đảng coi như người của Đảng), công nhận rằng học thuyết về cộng sản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa là 'một sự ngộ nhận' đã đem lại cho dân tộc 'nhiều thiệt thòi'. Ông không vào Đảng, nhưng lại tố giác tập đoàn lãnh đạo bằng những lời lẽ nhẹ nhàng hơn hai ông cộng sản trung kiên Bùi Tín và Nguyễn Khắc Viện! Nhưng đồng thời, danh từ ông dùng để đề nghị đường lối thay thế đường lối hiện tại của Đảng là 'dân chủ đa nguyên đa đảng', là một danh từ không khác gì tư sản dân quyền (dân chủ tư sản), n.l., theo các ông Tín và Chính, nó không khác gì đường lối mà

"Bác" đã chủ trương.

Như vậy, tất cả những người trong Đảng, hay trong chế độ, cộng sản đối kháng nhóm lãnh tụ hiện tại và chính sách của họ, đều chủ trương dẹp bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa và thay thế nó bằng chế độ tư sản dân quyền, trở về đường lối "chiến lược" của "Bác", đường lối chiến lược mà "Bác" đã tiếp nhận khi còn là Nguyễn Ái Quốc và gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp, n.l. năm 1920, và đem áp dụng vào Việt Nam khi, "nhận chỉ thị của Quốc tế cộng sản", như chính "Bác" đã tuyên bố vào tháng 2 hai năm 1930, "Bác" đã khai sinh Đảng Cộng Sản Việt Nam ở Cửu Long (Hồng Kông).

Những đường lối cách mạng tư sản dân quyền, đại đoàn kết dân tộc có phải là một đường lối chiến lược không, và đường lối này có phải do chính "Bác" sáng tạo không? Đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng về ĐCSVN và cho dân tộc Việt Nam. Cho nên câu hỏi trên đây cần được trả lời rõ ràng và tường tận.

II

Muốn hiểu, biết, rõ "tư sản dân quyền", hay, đúng hơn, "dân chủ tư sản" - n.l. dân chủ kiểu tư sản (bourgeois democracy) -, đối thể của dân chủ kiểu cộng sản - mà người cộng sản gọi là "dân chủ nhân dân", hay dân chủ xã hội chủ nghĩa (people's democracy, hay socialist democracy) - , có phải là một đường lối chiến lược và do "Bác" sáng tạo không, ta phải nghiên cứu kỹ cuộc đời của Hồ Chí Minh, tức Nguyễn Ái Quốc, tức Nguyễn Tất Thành, và đặc biệt, mối liên hệ của ông ta với cộng sản quốc tế và với Lê-Nin.

Khi nói đến cuộc đời của ông Hồ, ta nên nhớ rằng các văn kiện của ĐCSVN không ngớt nhấn mạnh rằng ông ấy là 'một chiến sĩ xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế', và báo chí Nga sô đã phong cho ông ta danh vị 'cominternchik' - người cán bộ xuất sắc và trung kiên hạng nhất của Đệ Tam Quốc Tế, đem hết đời mình phục vụ tổ chức này - , danh vị mà trong tất cả các cán bộ cộng sản Á Đông chỉ có một mình Nguyễn Ái Quốc được vinh tặng. Còn riêng ông ta, ông cũng đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại câu: 'Từ ngày đó tôi hoàn toàn tin vào Đệ Tam Quốc Tế và vào Lê-Nin'.

'Từ ngày đó' là từ năm 1920. Năm đó là năm Nguyễn Ái Quốc bỏ Đảng Xã Hội Pháp, cùng một nhóm đảng viên đảng này bỏ phiếu chấp nhận gia nhập Đệ Tam Quốc Tế và sáng lập Đảng Cộng Sản Pháp, đồng thời trở nên người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Những quan trọng hơn nữa, 'ngày đó' là ngày từ một người Việt Nam thuần túy quốc gia Nguyễn Ái Quốc đã lột xác biến thành một người cộng sản quốc tế, gia nhập hàng ngũ của những người mà Mác gọi là 'vô tổ quốc'. Mác nói điều này không đúng lắm, vì theo qui chế của Quốc Tế Cộng Sản, Nga Sô là tổ quốc của những người theo xã hội chủ nghĩa.

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật bỏ Pháp qua Nga Sô, và từ đây ông ta chính thức trở thành một cán bộ cao cấp đặc lực, trung kiên và rất được lãnh đạo ĐTQT tín nhiệm. Là một 'cominternchik' (tạm đọc là :cô minh tếc sích), Nguyễn Ái Quốc đương nhiên chấp nhận quan điểm, chủ trương, mục tiêu chiến lược và phương thức hành động của ĐTQT, n.1. của Lê-Nin, người sáng tạo ra ĐTQT và chỉ đạo tối cao của tổ chức này. Mà mục tiêu của ĐTQT do Lê-Nin ấn định là làm cho cách mạng vô sản bành trướng khắp hoàn cầu,

lật đổ tư bản và tiêu diệt tư sản khắp mọi nơi trên thế giới. Lê-Nin đòi hỏi như vậy. Qui chế ĐTOT buộc như vậy. Và là một Cô-Minh-Téc-Sích, Nguyễn Ái Quốc buộc phải làm như vậy. Nhưng thật ra thì khỏi cần buộc ông ta. Ông ta rất sung sướng phục vụ QTCS. Như ông giải thích trong tập Vừa đi đường vừa kể chuyện, tự truyện của ông ta (viết năm 1950 dưới bút hiệu T.Lan), những ngày ở Nga Sô là "những ngày sung sướng nhất trong đời Bác".

Hồ Chí Minh đã hằng tuyên bố rằng chủ nghĩa Lê-Nin là chủ nghĩa "chân chính nhất" (1926); là "cẩm nang thần kỳ", cái "vũ khí không gì thay thế được", là "mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi đến thắng lợi cuối cùng, đi tới xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cộng sản" (1960), và "Đối với tất cả các mọi công tác cách mạng, việc thành lập Đảng và Nhà nước cũng như những việc xây dựng kinh tế văn hoá, chúng tôi đều cố gắng làm theo đường lối Lê-Nin đã vạch ra" (1962).

(Độc giả nào muốn kiểm chứng những tư tưởng trên đây của "Bác" có thể chiếu theo những năm đã ghi ở trên tham khảo những tác phẩm của "Bác": Toàn Tập (10 tập), Tuyển Tập (2 tập), và các bài "Bác" nói và viết về Lê-Nin được in thành một tập riêng, Về Lê-Nin và chủ nghĩa Lê-Nin, 1977, do Đảng xuất hành, và Nhà Xuất Bản Sự Thực, Hà Nội, ấn hành, không tiện ghi đầy đủ ở đây để tránh rườm rà).

Những đoạn trích dẫn ở trên, do chính ông Hồ đã tuyên bố, buộc ta kết luận rằng muốn hiểu, biết, rõ tư tưởng và chủ trương của ông ta cần phải hiểu, biết, rõ về Lê-Nin.

III

Lê-Nin đã đưa ra những chủ thuyết và chủ trương gì?

Lê-Nin tất nhiên đã nghĩ và chủ trương rất nhiều chuyện. Thâu tập hết những gì ông ta nói và viết đòi hỏi hơn 30 tập, mỗi tập dày lối 800 trang. Những tác phẩm quan trọng nhất thâu tập cũng mất 3 tập, mỗi tập dày lối 800 trang.

(Những gì trích của Lê-Nin trong bài này lấy trong tuyển tập Lenin's Selected Works (in three volumes), do nhà xuất bản Progress Publishers, Mốt-xcô-va, ấn hành năm 1977).

Bài này chỉ đề cập đến những đường lối, chủ trương liên quan mật thiết đến ĐCSVN và dân tộc Việt Nam, n.1. những điều mà các lãnh tụ ĐCSVN, từ Hồ Chí Minh trở xuống, đã học thuộc lòng và hát đi hát lại nguyên bản hay với sửa đổi, và buộc dân chúng Việt Nam phải nghe, và thực hiện, trong mấy thập niên qua.

1) Quan niệm về lịch sử. Lê-Nin lấy thuyết của Mác về quy luật xã hội phát triển qua các giai đoạn: từ chế độ phong kiến đến chế độ tư bản, đến chế độ xã hội, rồi đến chế độ cộng sản. Động cơ của lịch sử là tranh chấp về quyền lợi kinh tế giữa các giai cấp; lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp. Lê-Nin "triển khai" thuyết của Mác và thêm vào đó hai thuyết.

a) Trong tác phẩm Đế Quốc (Imperialism), viết năm 1917, Lê-Nin khẳng định rằng chế độ tư bản đã phát triển đến tột độ và đã vào giai đoạn kết thúc. Giai đoạn này, giai đoạn đế quốc, là giai đoạn tư bản "rẫy chết", và sẽ bị chế độ xã hội chủ nghĩa thay thế trong một ngày rất gần - một điều làm cho tất cả những người cộng sản tin tưởng rằng phe ta sắp thắng, và không bao lâu

nữa xã hội chủ nghĩa sẽ bao trùm toàn thế giới.

b) Trong luận cương về vấn đề thuộc địa trình bày tại Đại Hội II (1920) của QTCS Lê-Nin khẳng định rằng các nước thuộc địa, tuy thọt thuyên không có bao nhiêu vì kỹ nghệ đang còn thô sơ, và xã hội đang ở giai đoạn phong kiến, nhưng vẫn xây dựng xã hội chủ nghĩa được bằng cách nhảy bằng giai đoạn tư bản nếu có một chính quyền cộng sản và được những nước xã hội chủ nghĩa tiên tiến giúp đỡ. Điều này làm cho những phần tử cộng sản ở các thuộc địa và nước chậm tiến tin rằng cú cướp được chính quyền, thiết lập chế độ chuyên chế cộng sản là giải quyết được vấn đề chậm tiến kinh tế dễ dàng.

2) Quan niệm về đảng. Trong Ta phải làm gì? (What's to be done?), 1903, Lê-Nin nói muốn cướp chính quyền phải có một đảng tổ chức theo kiểu bôn-sê-vích: đảng viên là những người cách mạng chuyên nghiệp, quyết chí, tổ chức chặt chẽ, theo kỷ luật sắt, theo nguyên tắc dân chủ tập trung, không khi nào từ bỏ mục tiêu chiến lược, nhưng áp dụng chiến thuật hết sức uyển chuyển. Đảng phải có một ban lãnh đạo cương quyết, có toàn quyền quyết định, như bộ tư lệnh của một đội quân đang chiến đấu.

Đảng cộng sản là một đảng mà đảng viên là những người cách mạng triệt để. Lê-Nin đòi hỏi người cộng sản phải dứt khoát chống cải lương chủ nghĩa (reformism), hoà bình chủ nghĩa (pacifism), và trung dung chủ nghĩa (centrism). Lê-Nin đã nhấn rất mạnh điểm này trong Cách mạng và tên phản bội Kautsky (Revolution and the Renegade Kautsky), 1917, và ghi nó vào qui chế của ĐQT.

3) Quan niệm về tinh thần quốc tế. Liên hệ mật thiết đến

những điều kiện kể trên là đòi hỏi của Lê-Nin về vấn đề quốc gia. Lê-Nin buộc người cộng sản phải dẹp bỏ tinh thần quốc gia, và thay thế nó bằng tinh thần vô sản quốc tế. Theo Lê-Nin, 'người vô sản chống tất cả mọi hình thức quốc gia chủ nghĩa', và phải đặt quyền lợi của cách mạng quốc tế lên trên hết.

Lê-Nin đã lập lên ĐTQT để ràng buộc chặt chẽ các đảng cộng sản về phương diện này. Theo qui chế của QTCS chỉ có một đảng cộng sản mà các đảng quốc gia chỉ là chi bộ. Tất cả các đảng và đảng viên đều phải triệt để phục tùng phục Ủy Ban Chấp Hành của tổ chức này, và ủy ban này do Nga Sô chế ngự. Phần khác, theo nghị quyết của ĐTQT, tất cả những đảng và đảng viên cộng sản phải coi Nga Sô, thành trì cách mạng quốc tế, là tổ quốc của mình.

4) Quan niệm về bạo lực. Trong Nhà nước và Cách mạng (The State and Revolution), 1917, Lê-Nin nhấn mạnh rằng Đảng Bôn-Sê-Vích phải xử dụng bạo lực một cách triệt để trong công cuộc cướp chính quyền và bảo vệ chính quyền. Sau khi cướp được chính quyền không những không được nhẹ tay mà còn phải trấn áp mạnh mẽ hơn để dẹp tan tất cả các đối kháng, đập nát bộ máy nhà nước của địch (cơ cấu quốc gia tư bản) và thay thế nó bằng một bộ máy đàn áp mới, bộ máy đàn áp của giai cấp vô sản.

5) Quan niệm về độc tài. Chính quyền cộng sản là một chính quyền độc tài, và độc tài được Lê-Nin định nghĩa là 'xử dụng bạo lực tối đa không chấp nhận một luật lệ, một giới hạn nào hết'. Nhà nước cộng sản là một dụng cụ đàn áp của một giai cấp đối với một giai cấp khác (Thuyết về Nhà nước và cách mạng).

6) Quan niệm về giai cấp. Người cộng sản luôn luôn lấy

giai cấp làm tiêu chuẩn trong tất cả mọi tư tưởng, quan niệm, xử sự và hành động. Người cộng sản phải luôn luôn giữ lập trường giai cấp. Điều gì trái với lập trường giai cấp phải gạt bỏ. Tình cảm của người cộng sản cũng phải căn cứ trên giai cấp. Người cộng sản không thể thương yêu, thương hại người thuộc giai cấp tư sản được. Người này, trong mọi trường hợp là đối tượng đấu tranh của người cộng sản, là kẻ thù của giai cấp vô sản.

7) Quan niệm về đạo lý. Đạo lý phải đặt trên căn bản giai cấp. Người cộng sản không thể cùng một đạo lý với tư sản được. Đạo lý của tư sản - đạo lý chung của tất cả các tôn giáo từ xưa đến nay - là giả dối, chỉ cốt phục vụ quyền lợi của giai cấp tư sản. Vì vậy, người cộng sản không chấp nhận đạo lý thông thường. Người cộng sản có đạo lý riêng. Đạo lý này là "làm tất cả những gì có lợi cho cộng sản". Theo Lê-Nin không có sự thực vĩnh viễn. "Sự thực cụ thể". Nó thay đổi tùy tình hình, theo giai đoạn và nhu cầu của đấu tranh.

8) Quan niệm về dân chủ. Dân chủ, cũng như đạo lý, là một vấn đề giai cấp. Dân chủ theo nghĩa thông thường, với các thứ tự do (ngôn luận, hội họp, bầu phiếu v.v...) cho mọi người là dân chủ của giai cấp tư sản, và là một sự giả dối. Cộng sản không chấp nhận lối dân chủ đó. Đối với người cộng sản, dân chủ chỉ áp dụng cho cộng sản mà thôi. Những người thuộc giai cấp tư sản (và những thành phần đối lập) không được hưởng quyền dân chủ gì hết. Khẩu hiệu của cộng sản về vấn đề này là: "dân chủ đối với giai cấp vô sản; độc tài đối với giai cấp tư sản". Theo Lê-Nin "dân chủ xã hội chủ nghĩa một triệu lần hơn dân chủ tư sản chủ nghĩa".

9) Quan niệm về thuộc địa. Quan niệm của Lê-Nin về giai đoạn phát triển tốt độ của tư bản và đấu tranh giai cấp đưa đến kết luận rằng đế quốc phải gặp đối kháng ở thuộc địa. Nhưng vì về kinh tế thuộc địa không có kỹ nghệ phát triển nên không có phong trào thợ thuyền rộng lớn; đồng thời, về phương diện xã hội, các nước thuộc địa còn ở giai đoạn phong kiến, nên phong trào chống đối đế quốc phải do các thành phần quốc gia tư sản sở tại lãnh đạo.

Ở giai đoạn đầu, cuộc cách mạng này chỉ có thể là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Đảng cộng sản phải đứng vào hàng ngũ cách mạng này, lợi dụng chiêu bài giải phóng quốc gia và liên kết với nông dân tạo sức mạnh biến cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc thành một cuộc cách mạng dân chủ xã hội chủ nghĩa (cách mạng dân chủ nhân dân) khi thời cơ thuận lợi.

10) Quan niệm về phát triển kinh tế. Đây là phần mở đầu của chủ nghĩa Lê-Nin. Ông ta cho rằng các nước chậm tiến đang còn ở trong giai đoạn phong kiến kỹ nghệ ít phát triển không cần qua giai đoạn tư bản, có thể tiến thẳng lên xã hội chủ nghĩa. Lê-Nin đã thí nghiệm như vậy ở Nga trong những năm đầu sau khi cướp được chính quyền. Nhưng từ năm 1917 đến năm 1920 Nga Sô bị khủng hoảng liên miên. Từ năm 1920 trở đi, Lê-Nin phải đi thụt lùi và áp dụng một hình thức tư bản nhà nước, đồng thời chấp nhận cho nông dân tự do canh tác. Đó là chính sách "kinh tế mới" (N.E.P. - New Economic Policy -). Cuộc thí nghiệm của Lê-Nin chưa ngã ngũ thì Lê-Nin chết (1924), và quyền hành vào tay Stalin. Ông này áp dụng một chính sách kỹ nghệ hoá bạt mạng và công hữu hoá canh

nông thô bạo, bất chấp hậu quả. Chính sách này đã đẩy Nga Sô vào tình trạng khủng hoảng ngày nay và đang bị chính quyền cũng như nhân dân Nga Sô lên án. Nhưng mô hình phát triển bạt mạng và thô bạo kiểu Stalin là mô hình mà Hồ Chí Minh và những lãnh tụ kế vị ông ta, tiếp tục sự nghiệp của 'Bác', đã áp đặt lên đầu nhân dân Việt Nam.

IV

Hồ Chí Minh chủ trương cách mạng tư sản dân quyền (1930), đại đoàn kết dân tộc (1939-1945), dùng Việt Minh để cướp chính quyền (1945), rồi dùng Liên Việt (1946), kế đến là Mặt Trận Tổ Quốc (1955) để củng cố chính quyền bằng cách lừa tất cả mọi người vào mạng lưới của Đảng. Nhưng sau khi đã củng cố được chính quyền để đương đầu với Pháp, rồi loại được nguy cơ Pháp, ông Hồ hết sức tay và mạnh mẽ thực hiện 'cách mạng thổ địa' (1953-1956), kế đó là 'cải tạo tư sản' (1957-1959). Tiếp theo đó là Hiến Pháp mới (1960) thể chế hóa địa vị lãnh đạo độc tôn của ĐCSVN: cuộc cách mạng tư sản dân quyền coi như chấm dứt. Trong thâm tâm của ông Hồ và tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN nó chỉ có tính cách chiến thuật.

Người chủ mưu và điều khiển cuộc dẹp bỏ cách mạng tư sản dân quyền không ai khác là Hồ Chí Minh. Sau khi ông ta chết (1969) đàn em tin cẩn được ông ta chọn lọc và huấn luyện rất kỹ trong hơn 40 năm đã tiếp tục sự nghiệp của ông ta. Họ đi rất đúng đường. Mà đường lối ông Hồ đã đi và đã dẫn đàn em đi theo không phải là đường lối do ông ta sáng tạo, mà là đường lối của Lê-Nin vạch ra, như ta đã thấy rõ ở trên.

Thất bại hiện nay của cộng sản Việt Nam, cũng như thất bại

của tất cả các đảng cộng sản trên thế giới, là thất bại của chủ nghĩa Lê-Nin. Tất cả những gì ông Hồ và đàn em đã nói và làm, và ép buộc toàn dân Việt Nam phải hát và làm trong mấy chục năm nay đều xuất phát từ chủ nghĩa Lê-Nin. Cái tội, hay cái lỗi lớn, của ông Hồ và tập đoàn lãnh tụ cộng sản đã trị vì Việt Nam trong hơn 35 năm nay, là đã trình bày một thủ đoạn chiến thuật của Đảng như là đường hướng chiến lược cho dân tộc. Đường hướng chiến lược của ông Hồ là đường hướng thực hiện chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và trên toàn cầu, theo đúng chủ trương của chủ nghĩa Lê-Nin. Nó là một đường hướng mang lại tai hoạ: chiến tranh, nghèo đói, kinh tế lạc hậu, chính trị bất nhân, đạo lý đảo lộn.

Vậy vấn đề căn bản của Việt Nam hiện nay, trái với những phân tích của những người đối kháng Đảng nêu trên, không phải là sự cố bám chức vị và chính sách sai lầm của tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN hiện nay, mà là sự duy trì chủ nghĩa Lê-Nin và bộ máy để áp dụng chủ nghĩa này, là ĐCSVN và chế độ cộng sản hiện tại. Đòi đám Mai Chí Thọ - Đỗ Mười từ chức để nhường chỗ cho ông Võ Nguyên Giáp hay một ông nào nữa đi chẳng mà không từ bỏ chủ nghĩa Lê-Nin và dẹp bỏ ĐCSVN và chế độ cộng sản thì, về căn bản, chẳng có gì thay đổi cả. Ông Giáp cũng là cộng sản, được huấn luyện theo chủ nghĩa Lê-Nin vậy. Ông lên nắm quyền thay đám Nguyễn Văn Linh - Mai Chí Thọ thì cũng chỉ đem lại vài đổi thay lật vặt. Chẳng đến đâu. Như người Mỹ nói trong trường hợp như vậy: "Peanuts", hay "cosmetic change" (chuyện tép riu, hay thay son đổi phấn).

Đều mà Việt Nam rất cần để ra khỏi tình trạng bế tắc hiện nay là dẹp bỏ chủ thuyết Lê-Nin và tất cả những gì liên hệ đến nó

về nội dung. Những người cộng sản, vì tình cảm, muốn giữ lại Đảng của họ với cái tên ĐCSVN cũng được đi, với điều kiện là họ dứt khoát và thực tình loại bỏ: đấu tranh giai cấp, chuyên chế vô sản, bạo lực cách mạng, dân chủ tập trung, độc quyền độc tôn của Đảng, chủ nghĩa bôn-sê-vích, chính sách lý lịch, chính quyền nông-công-binh, kinh tế chỉ huy, khinh miệt và đàn áp trí thức, hiếp đáp và kìm ép tư sản v.v.... Họ phải chấp nhận làm một đảng như những các đảng khác, tranh thủ lá phiếu của nhân dân một cách đàng hoàng, minh bạch và lương thiện, căn cứ trên tài đức của những ứng cử viên mà họ đưa ra, chịu chấp nhận thất bại và tôn trọng chính quyền đã được nhân dân lựa chọn qua những sự bầu cử đúng đắn, kiên nhẫn đợi cuộc tuyển cử sau, không âm thầm phá rối chính phủ đương quyền.

Như trên đây mới là đặt đúng vấn đề căn bản thực sự của đất nước. Những người cộng sản thức tỉnh phải cố gắng đi thêm vài bước nữa trong sự phân tích tình hình xứ sở để đề nghị những giải pháp thích hợp và triệt để hơn nữa, vượt qua một vài cá nhân để giải quyết vấn đề quốc gia và dân tộc tận gốc rễ của nó. Họ phải làm một sự cố gắng suy tư sâu rộng, khách quan và ở một cấp cao hơn, từ chối coi chủ nghĩa Lê-Nin và ĐCSVN như là những gì không thể động tới, mà chỉ là những công cụ có lẽ cần thiết trong một giai đoạn nào đó - tranh đấu cho độc lập xứ sở -, trong một cục diện thế giới nào đó - còn một số thực dân chưa giác ngộ, trong một thế giới lưỡng cực và đối đầu giữa hai siêu cường Nga Mỹ - .

Nay thâu hồi độc lập không còn là vấn đề lớn của xứ sở và mối ưu tư lớn của dân tộc nữa. Cục diện thế giới cũng đổi thay từ

thế lưỡng cực qua thế đa cực, thực dân đã hết, và Nga Mỹ đã đồng thuận chấm dứt chiến tranh lạnh và hợp tác chặt chẽ để xây dựng một thế giới mới, dân chủ và phồn vinh tối đa khắp mọi nơi trên hoàn cầu. Đây là một sự may mắn rất lớn cho Việt Nam. Chúng ta không bị kẹt trong sự tranh hùng tranh bá giữa hai siêu cường nữa. Ta có thể dồn hết tâm trí, thì giờ, nghị lực, tài nguyên, tài năng vào công việc chính, mục tiêu chiến lược thực sự của dân tộc ta: phát triển kinh tế tối đa trong thời gian nhanh nhất, để sớm thoát khỏi tình trạng nghèo đói và lạc hậu. Muốn giải quyết hai vấn đề chiến lược này, ta cần những công cụ khác hơn là chủ nghĩa Lê-Nin và ĐCSVN, vì nó chỉ là công cụ để giải quyết những vấn đề chiến thuật gây quyền lực cho một nhóm người phục vụ ĐCSVN và ĐTQT - ông Hồ và đồ đệ - nhưng đã đẩy xứ sở và dân tộc Việt Nam xuống vực thẳm.

Montreal,

tháng năm, 1991